

Bản án số: 143/2021/DS-PT

Ngày: 25/11/2021

T/c hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán:

Ông Trần Bình Đào

Ông Nguyễn Như Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Năng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Hồng M, sinh năm 1982. Có mặt

2. Ông Võ Quốc T, sinh năm 1978. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Hồng M, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã C, thành phố A, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy ủy quyền ngày 19/10/2020.

Bị đơn:

1. Bà Dương Thị Tuyết T, sinh năm 1966. Có mặt

2. Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1954. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã C, thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng M trình bày:

Do quen biết và ở gần nhà nên bà có cho bà Dương Thị Tuyết T mượn tiền để giải quyết công việc gia đình. Việc mượn tiền nhiều lần và mỗi lần giao nhận tiền hai bên đều có ký biên nhận nợ với nhau. Các khoản nợ cụ thể như sau:

Ngày 27/12/2017 âm lịch: Bà T vay 100.000.000 đồng.

Ngày 05/02/2019 âm lịch: Bà T vay 50.000.000 đồng.

Ngày 12/02/2019 âm lịch: Bà T vay 50.000.000 đồng.

Ngày 26/3/2019 âm lịch: Bà T vay 100.000.000 đồng.

Ngày 13/4/2019 âm lịch: Bà T vay 50.000.000 đồng.

Ngày 01/7/2019 âm lịch: Bà T vay 20.000.000 đồng.

Ngày 03/7/2019 âm lịch: Bà T vay 30.000.000 đồng.

Ngày 13/7/2019 âm lịch: Bà T vay 50.000.000 đồng.

Ngày 06/8/2019 âm lịch: Bà T vay 25.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2019 âm lịch: Bà T vay 40.000.000 đồng.

Ngày 25/9/2019 âm lịch: Bà T vay 30.000.000 đồng.

Ngày 29/9/2019 âm lịch: Bà T vay 60.000.000 đồng.

Tổng cộng: 605.000.000 đồng.

Các khoản nợ trên hàng tháng bà T đóng lãi cho bà đầy đủ theo lãi suất thỏa thuận 5%/tháng nhưng cụ thể tổng số tiền lãi bà T đã đóng là bao nhiêu thì bà không nhớ rõ. Từ ngày 29/9/2019 âm lịch cho đến nay thì bà T không có đóng lãi cho bà.

Bà đã nhiều lần yêu cầu bà T và chồng là ông Lê Thanh T1 trả lại cho bà tiền nợ 605.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà T hứa hẹn mà không trả. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc bà T và ông T1 trả cho bà tiền nợ gốc 605.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Dương Thị Tuyết T trình bày:

Bà có vay tiền của vợ chồng bà M và ông T nhiều lần với số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 28/12/2018 âm lịch: Vay 100.000.000 đồng, lãi suất 18 phân (18%/tháng), 10 ngày đóng lãi 6.000.000 đồng, 01 tháng đóng 03 lần = 18.000.000 đồng. Bà đóng lãi tới tháng 09/2019 âm lịch thì không còn khả năng đóng nữa. Tổng số tiền lãi bà đóng được là 162.000.000 đồng.

- Ngày 05/02/2019 âm lịch: Vay 50.000.000 đồng, lãi suất là 10 phân (10%/tháng), đóng lãi tới tháng 09/2019 âm lịch thì không còn khả năng đóng nữa. Tổng số tiền lãi đóng là 35.000.000 đồng.

- Ngày 12/02/2019 âm lịch: Vay 50.000.000 đồng, lãi suất 10 phân (10%/tháng), đóng lãi tới tháng 09/2019 âm lịch. Tổng số tiền lãi đóng là 35.000.000 đồng.

- Ngày 01/7/2019 âm lịch: Vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5 phân (5%/tháng), đóng được 02 tháng lãi với số tiền 2.000.000 đồng.

- Ngày 13/7/2019 âm lịch: Vay 50.000.000 đồng, lãi suất là 5 phân (5%/tháng), đóng được 02 tháng tiền lãi là 5.000.000 đồng.
- Ngày 06/8/2019 âm lịch: Vay 25.000.000 đồng, lãi suất 5 phân (5%/tháng), đóng được 01 tháng tiền lãi với số tiền 1.000.000 đồng.
- Ngày 06/9/2019 âm lịch: Vay 40.000.000 đồng, lãi suất 7 phân (7%/tháng). Bà có đóng lãi nhưng không nhớ bao nhiêu.
- Ngày 25/9/2019 âm lịch: Vay 30.000.000 đồng, lãi 12 phân (12%/tháng), bà có đóng lãi nhưng không nhớ đóng bao nhiêu tiền.
- Ngày 29/9/2019 âm lịch: Vay 60.000.000 đồng, lãi suất là 5 phân (5%/tháng), có đóng lãi nhưng không nhớ đóng bao nhiêu.

Tổng cộng bà có vay của vợ chồng bà M số tiền gốc là 425.000.000 đồng. Bà thừa nhận tất cả những biên nhận trên đều là chữ ký của bà. Số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà M bao nhiêu thì bà không nhớ. Theo yêu cầu của bà M và ông T thì bà đồng ý trả 605.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hiện tại bà khó khăn nên yêu cầu được trả dần hàng tháng. Đối với số tiền lãi mà bà đã đóng thì bà yêu cầu tính lại.

Bị đơn ông Lê Thanh T1 trình bày:

Ông là chồng bà T, có đăng ký kết hôn năm 1986. Ông hoàn toàn không biết và không thấy đồng tiền nào của bà T đem về cho gia đình. Ông không có mượn và không biết đến số tiền mượn nào nên ông không đồng ý trả nợ, còn bà T trả hay không là việc của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng M và ông Võ Quốc T đối với bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1.

[2]. Buộc bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1 liên đới trả cho bà Nguyễn Hồng M và ông Võ Quốc T tiền nợ gốc 605.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ năm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/4/2021 bị đơn bà Dương Thị Tuyết T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc chồng bà là ông Lê Thanh T1 phải liên đới trả nợ cùng bà và xem xét lại lãi suất mà bà đã đóng.

Cùng ngày 19/4/2021 bị đơn ông Lê Thanh T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông phải liên đới trả nợ với bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Dương Thị Tuyết T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng M đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố A.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà T và ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Lê Thanh T1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông T1 theo quy định.

[2] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện của bà M, ông T thể hiện từ năm 2017 đến năm 2019 bà M, ông T có cho bà T vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 605.000.000 đồng, quá trình khởi kiện bà M cung cấp cho Tòa án tất cả gồm 12 biên nhận có chữ ký và và chữ viết tên của bà T ký nhận tiền. Bà M, ông T đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng bà T, ông T1 không trả nợ, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà T trả 605.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà T thừa nhận có vay tiền của bà M, ông T nhiều lần nhưng chỉ vay số tiền 425.000.000 đồng, về thời gian vay thì cũng không đúng như trình bày của bà M, tuy nhiên bà T thừa nhận các biên nhận mà bà M cung cấp là đúng chữ ký chữ viết của bà, bà T cũng đồng ý trả cho vợ chồng bà M 605.000.000 đồng như xin trả dần hàng tháng cho đến khi dứt nợ.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại tiền lãi bị đơn đã đóng cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các bên đương sự không thống nhất với nhau về mức lãi suất đã thỏa thuận, ngoài ra bị đơn không xác định được số tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn, bị đơn cũng không có chứng cứ gì để chứng minh số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn. Nhưng ngược lại nguyên đơn đã thừa nhận số tiền lãi mà bị đơn đã đóng đầy đủ cho nguyên đơn là 5%/tháng trên số tiền gốc 605.000.000 đồng, kể từ ngày vay đến ngày 29/9/2019 thì bị đơn không đóng lãi cho nguyên đơn nữa và bị đơn cũng thừa nhận là không đóng lãi cho nguyên đơn từ ngày 29/9/2019. Xét về số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn 5%/tháng là cao hơn so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu số tiền lãi của bị đơn đã đóng cho nguyên đơn mà được nguyên đơn thừa nhận là thấp hơn so với số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, xét thấy việc không tính lãi lại cho bị đơn là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bà T và ông T1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông T1 phải liên đới trả nợ với bà T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T xác định mục đích bà vay tiền của bà M là để trả cho các chủ nợ khác, việc vay tiền ông T1 không biết, đến khi hết nợ thì ông T1 mới biết, ông T1 cũng cho rằng việc bà T vay tiền ông không biết nên không đồng ý trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà T. Tuy nhiên bà T và ông T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền bà T vay của nguyên đơn không được sử dụng vào mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, đồng thời bà T và ông T1 là vợ chồng nên theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T1 phải cùng chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do bà T thực hiện trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, ông T1 về việc không buộc trách nhiệm trả nợ của ông T1.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố A.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Hồng M và ông Võ Quốc T không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1 phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà M, ông T được tính như sau: 605.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + (205.000.000 đồng x 4%) = 20.000.000 đồng + 8.200.000 đồng = 28.200.000 đồng, vậy bà T phải chịu án phí là 14.100.000 đồng. Ông T1 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà T phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai của Chi cục thi hành án dân sự thành phố A. Ông T1 được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1.

- Giữ nguyên bản án số 12/2021/DS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng M và ông Võ Quốc T đối với bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1.

2. Buộc bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1 cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Hồng M và ông Võ Quốc T tiền nợ gốc là 605.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng M và ông Võ Quốc T 14.100.000 đồng (Mười bốn triệu, một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007421 ngày 07/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (nay là thành phố A), tỉnh Kiên Giang.

Bà Dương Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.100.000 đồng (Mười bốn triệu, một trăm nghìn đồng), ông Lê Thanh T1 được miễn án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000295 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố A, ông T1 được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP A;
- THA dân sự TP A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên